TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/**2026/HNGĐ-ST
Ngày 30/01/2026
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hùng và ông Phạm Văn Vượng.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 06/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Thành T** (Nguyễn Văn T1), sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Đinh Thị N**, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Đinh Thị N kết hôn với nhau vào năm 1997, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang), (*Giấy chứng nhận kết hôn số 58/1997, ngày 26 tháng 02 năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã T,*

tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thôn A, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 10 năm 2025 ông Nguyễn Thành T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đinh Thị N.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc, đã được gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đinh Thị N.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thành T xác định có 02 người con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 16/02/1998 và Nguyễn Đình Trung T2, sinh ngày 10/9/2003. Quá trình giải quyết ông T có quan điểm các con đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thành T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Ông Nguyễn Thành T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Ông Nguyễn Thành T và bà Đinh Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Ông T và bà N kết hôn với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn ông bà sinh sống tại thôn A, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không hiểu nhau, cuộc sống thiếu lòng tin vào nhau nên xảy ra đánh, cãi chửi nhau. Vợ chồng hiện sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Mâu thuẫn đã được gia đình và thôn hoà giải nhưng không thành. Bà Đinh Thị N là lao động tự do, hiện đang đi làm lao động tự do ngoài tỉnh Tuyên Q nên không có mặt tại địa phương. Bà N vẫn thường xuyên về nhà khi được nghỉ lễ, tết và gia đình có việc.

Bà Đinh Thị N làm lao động tự do ở ngoài tỉnh Tuyên Quang, không có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà N vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang chỉ tổ chức phiên

họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 1 – Tuyên Quang

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn bà Đinh Thị N không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Thành T và bà Đinh Thị N kết hôn vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, hiện đang sống ly thân, không còn tồn tại cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, tiến bộ. Do vậy, căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX: Về quan hệ hôn nhân, xử cho ông Nguyễn Thành T được ly hôn với bà Đinh Thị N. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; về vay nợ chung, không có không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Thành T đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đinh Thị N; không đề nghị giải quyết về con chung, tài sản chung và vay nợ chung. Bà Đinh Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là *"Ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập bà Đinh Thị N nhiều lần nhưng bà N không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Thành T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Đinh Thị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Toà

án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Đinh Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 26/02/1997 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Tháng 10 năm 2025 ông Nguyễn Thành T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đinh Thị N.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của ông Nguyễn Thành T và bà Đinh Thị N có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc nên xác định hôn nhân của ông T và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Thành T được ly hôn với bà Đinh Thị N.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Thành T và bà Đinh Thị N có 02 người con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 16/02/1998 và Nguyễn Đình Trung T2, sinh ngày 10/9/2003, các cháu đã trưởng thành, trên 18 tuổi. Quá trình giải quyết ông T xác định các con đã trưởng thành tự lo được cuộc sống riêng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thành T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Ông Nguyễn Thành T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Thành T (Nguyễn Văn T1) được ly hôn với bà Đinh Thị N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 58/1997, ngày 26 tháng 02 năm 1997 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0000890, ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Ông Nguyễn Thành T đã nộp đủ án phí của vụ án.

Bà Đinh Thị N không phải nộp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND khu vực 1;
- T.H.A dân sự tỉnh TQ;
- UBND xã T. (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Chiến